

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2022/DS-PT
Ngày 07-9-2022
“V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Nhữn.

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Kim N.

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 24 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 267/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Công D, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1954. Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn H, huyện H, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2022).

2. Bị đơn: Ông Trang Ngọc Thanh L, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Như T, sinh năm: 1975. Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Như T và ông Trang Ngọc Thanh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện cũng như lời trình bày tại phiên Tòa, nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Thanh N đại diện theo ủy quyền trình bày yêu cầu khởi kiện:

Năm 2020 và 2021, bà T làm chủ nhiều dây hụi có sự tham gia của ông D, ông D đã đóng hụi và chưa hốt hụi nhưng các dây hụi đã bị bể. Từ sự việc trên, bà T bà ông D kết nợ hụi bằng giấy mượn tiền ngày 10/10/2021 thì bà T có nợ ông D 190.000.000đ hẹn đến 10/12/2021 trả nhưng đến nay bà T chỉ trả cho ông D 4.000.000đ. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu bà T và ông L liên đới trả 186.000.000đ tiền hụi, không yêu cầu tính lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án ông D cung cấp: Giấy mượn tiền ngày 10/10/2021 (Bản gốc).

- Bị đơn bà Nguyễn Như T trình bày: Bà T và ông L là vợ chồng hiện đang sống chung. Bà T thừa nhận vào năm 2020 và 2021 bà T có làm chủ nhiều dây hụi có ông D tham gia với tư cách là hụi viên. Do các dây hụi đã bị bể, bà T và ông D đã kết nợ hụi bằng giấy mượn tiền ngày 10/10/2021 thì bà T có nợ ông D 190.000.000đ hẹn đến 10/12/2021 trả nhưng đến nay bà T chỉ trả cho ông D 4.000.000đ và còn nợ lại ông D 186.000.000đ. Nay, ông D khởi kiện yêu cầu bà T và ông L liên đới trả 186.000.000đ tiền hụi thì bà T đồng ý nhưng chỉ một mình bà T trả vì việc bà T làm chủ hụi ông L không biết cũng như việc bà T xin trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T cung cấp: Danh sách hụi tháng 3.000.000đ mở vào ngày 29/1/2020 AL; danh sách hụi tháng 2.000.000 mở vào ngày 7/6/2020 âm lịch; danh sách hụi tháng 3.000.000đ mở vào ngày 17/9/2020 âm lịch; danh sách hụi tuần thứ bảy 500.000 ngày 20/11/2020 (Tất cả bản phô tô).

- Tại biên bản hòa giải ngày 08/4/2022, bị đơn ông Trang Ngọc Thanh L trình bày:

Ông L và bà T là vợ chồng, hiện đang sống chung. Nay, ông D khởi kiện yêu cầu bà T và ông L liên đới trả tiền hụi thì ông L không đồng ý do việc bà T làm chủ hụi ông L không biết. Trong quá trình giải quyết vụ án ông L không cung cấp cho Tòa án tài liệu hay chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 24 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, Điều 468, Điều 357 và Điều 288 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Công D đối với bà Nguyễn Như T và ông Trang Ngọc Thanh L.

Buộc bà Nguyễn Như T và ông Trang Ngọc Thanh L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Công D 186.000.000đ (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng) phát sinh từ tranh chấp hui.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Như T cùng ông Trang Ngọc Thanh L phải chịu 9.300.000đ (Chín triệu ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Huỳnh Công D không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông D 4.855.000đ (Bốn triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010890 ngày 25/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 06/6/2022, bị đơn ông Trang Ngọc Thanh L và bà Nguyễn Như T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông L không phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông D và xin được trả dân số nợ trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn cho rằng trong thời gian vợ chồng ông L và bà T chung sống ông L không có liên quan đến việc chơi hui.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày tại cấp sơ thẩm và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 75, Điều 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc cung cấp tài liệu, chứng cứ đúng quy định tại Điều 287 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo:

- Ông Trang Ngọc Thanh L kháng cáo, Tòa án đã triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng ông L vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ

xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của ông L theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Yêu cầu kháng cáo bà Nguyễn Như T:

Yêu cầu kháng cáo về trách nhiệm liên đới: Bà T cho rằng bà T làm chủ hội, ông D không biết là không có căn cứ vì bà T trình bày việc mở hội và hốt hội diễn ra tại nhà bà T, việc bà T làm chủ hội là phục vụ cuộc sống chung của gia đình. Do bà T và ông L là vợ chồng hiện đang sống chung, mục đích của việc làm chủ hội là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên ông L phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả tiền hội cho ông D. Ông L, bà T cho rằng ông L không có trách nhiệm liên đới là không có cơ sở.

Về yêu cầu trả dân: Pháp luật hiện nay không có quy định về việc cho trả dân nên yêu cầu kháng cáo của bà Thuỷ không có cơ sở xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Như T; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 24/5/2022 của TAND huyện Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của các bị đơn ông Trang Ngọc Thanh L và bà Nguyễn Như T đúng quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Bị đơn kháng cáo ông Trang Ngọc Thanh L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông L.

[3]. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà T:

[3.1]. Bà T kháng cáo không đồng ý liên đới cùng ông L trả nợ hội cho ông D, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng một mình bà T trả nợ cho ông D. Xét thấy, tại phiên tòa bà T trình bày việc mở hội và hốt hội diễn ra tại nhà bà T, bà T làm chủ hội là để kiếm lời và phát triển kinh tế gia đình. Bà T và ông L là vợ chồng hợp pháp hiện đang sống chung nhà. Bà T cho rằng ông L không biết và không liên quan đến việc bà chơi hội nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, do đó không có cơ sở chấp nhận. Cấp sơ thẩm buộc ông L phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả tiền hội cho ông D là phù hợp.

[3.2]. Đối với kháng cáo xin trả dân: Các bên không có thỏa thuận trong giấy nợ cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng không đồng ý cho bị đơn trả dân và pháp luật hiện nay không có quy định về việc cho trả dân nên yêu cầu kháng cáo của bà Thuỷ không có cơ sở xem xét.

[4]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về giải

quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn ông L, bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trang Ngọc Thanh L.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Như T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 24 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 288, 357, 468 và 471 Bộ luật dân sự. Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Công D đối với bà Nguyễn Như T và ông Trang Ngọc Thanh L.

Buộc bà Nguyễn Như T và ông Trang Ngọc Thanh L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Công D 186.000.000đ (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng) phát sinh từ tranh chấp hụi.

2. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Như T cùng ông Trang Ngọc Thanh L phải chịu 9.300.000đ (Chín triệu ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông Huỳnh Công D không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông D 4.855.000đ (Bốn triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010890 ngày 25/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trang Ngọc Thanh L và bà Nguyễn Như T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 600.000 đồng ông L và bà T đã nộp tạm ứng theo các biên lai thu số 0011010 và 0011011 cùng ngày 06/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An. Ông L, bà T đã nộp xong.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Những